

PHẬT NÓI KINH
BÁT KHÔNG QUYẾN SÁCH ĐÀ LA NI NGHI QUỸ
QUYẾN THƯỢNG

(Một tên gọi là: BÁT KHÔNG QUYẾN SÁCH GIÁO PHÁP MẬT NGÔN)

Hán dịch: Nước Sư Tử_ Tam Tạng A MỤC KHU (Amogha) phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Phật ngự trong Trời **Tịnh Cư** (Śuddhāvāsa) cùng với chư Thiên, Đại Chúng, **Tịnh Cư Thiên Vương** (Śuddhāvāsa-deva-rāja), **Y Thủ La Thiên Vương** (Īśvara-deva-rāja), **Ma Hề Thủ La Thiên Vương** (Maheśvara-deva-rāja), **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-devarāja), **Đế Thích Thiên Vương** (Indra-devarāja) với các Thiên Chúng...(Đức Phật) ngồi trên **tòa Liên Hoa Sư Tử báu** (Ratna-padma-simhāsāna) nói **Diệu Pháp** (Saddharma) ví như ánh sáng mặt trời chiếu sáng tất cả

Bấy giờ, **Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát (Avalokiteśvara)** vui mừng hơn hờ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, chấp tay cung kính, lễ bàn chân của Đức Phật xong, chỉnh sửa quần áo, quỳ thẳng lưng, cài chéo bàn tay, hướng về phía trước, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con có **Đà La Ni** tên là **Bát Không Quyến Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia Pháp**. Cách nay 91 Kiếp ở thời quá khứ, trong Kiếp cuối cùng ấy có Đức Phật ra đời tên là **Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai** Ứng Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiệu Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Bạc Già Phạm (**Lokesvara-rāja-tathāgata**). Đức Phật Thế Tôn ấy thương xót con, nên trao cho tất cả Pháp Môn của **Đà La Ni Mật Ngôn**. Thế Giới của Đức Phật ấy tên là **Thắng Quán Sát Huệ**

Thế Tôn! Con từ đó đến nay, thường thọ trì tất cả Giáo Pháp của **Đà La Ni Chân Ngôn** này, chỉ đường cảm hóa (đạo hóa) vô lượng trăm ngàn chúng sinh, ấy là: **Tịnh Cư Thiên Vương**, **Y Thủ La Thiên Vương**, **Ma Hề Thủ La Thiên Vương**, **Đại Phạm Thiên Vương**, **Đế Thích Thiên Vương**, tất cả Thiên Vương với các quyến thuộc cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi...đều khiến trụ ở **A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác), đều dùng **Trí liả lười nghi** (Ly Nghi Vãng Trí) mà trang nghiêm.

Thế Tôn! Khi con bắt đầu được Pháp **Đà La Ni** đó thời chứng được trăm ngàn **Bát Không Vô Hoặc Trí Trang Nghiêm Thủ Tam Ma Địa Môn** đều hiện trước mặt.

Thế Tôn! Do sức của **Chân Ngôn** này, hiện thấy hết thấy **Hội Chúng** của chư Phật Như Lai ở vô lượng vô số chúng chúng cõi nước khắp mười phương, rồi đều cúng dường, lắng the Pháp sâu xa, triển chuyển giáo hóa vô lượng hữu tình đều được phát hướng đến **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi). Thế nên, người Trí cần phải thọ trì.

Thế Tôn! Nếu phương xứ nào đã tạo làm Kinh Điển này thì nên biết đất ấy liền có vô lượng trăm ngàn **Tịnh Cư Thiên Vương**, **Y Thủ La Thiên Vương**, **Đại Phạm Thiên Vương**, **Đế Thích Thiên Vương** với 12 vạn trăm ngàn Thiên Vương kèm các quyến thuộc thường cùng nhau ủng hộ, cung kính vây quanh.

Thế Tôn! Nếu Kinh Điển này ở tại phương xứ nào, có người hay y theo Pháp, thanh tịnh viết chép, đọc tụng, thọ trì, khen ngợi thì nên biết đất ấy tức là **Chế Đê** (Caitye: tháp miếu) toàn thân của tất cả chư Phật.

Thế Tôn! Nếu các hữu tình tạm hay đọc tụng, lắng nghe, lưu hành **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này thì nên biết người đó tức đang gần gũi, cung kính, cúng dường vô lượng câu chi na dữu đa trăm ngàn chư Phật. Ở chỗ của chư Phật gieo trồng các căn lành. Tại sao thế? Vì Pháp này là nhóm báu **Bồ Đề** của tất cả chư Phật.

Thế Tôn! Nếu có hữu tình gây tạo nghiệp cực ác, chê bai tất cả chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn với chê bai Chính Pháp, nói không có **tốt lành** (Kusāla: thiện). Hoặc lại phá diệt chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn với chê bai hình tượng, tháp miếu, Kinh Luận, Giáo Pháp thì kẻ đó đáng bị rơi vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci) trải qua vô số kiếp, chịu khổ không gián đoạn. Chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn tuy có đủ Thần Thông cũng chẳng thể cứu được.

Thế Tôn! Như hữu tình này, hay sinh Tâm hối hận, tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa bôi thân, mặc áo sạch mới, như Pháp ở trước mặt Phật chí thành sám hối tội nặng đã tạo làm trong quá khứ, đời hiện tại, cuối cùng chẳng dám phạm, thọ trì **Trai Giới**, thanh tịnh Tâm ấy, 7 ngày 7 đêm giữ **Giới** chặt đứt các Luận, Ở trước mặt **Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát** (Amogha-pāsa- avalokiteśvara-bodhisatva), mỗi ngày tụng Đà La Ni Chân Ngôn này 108 biến thì nên biết các tội: mười ác, năm nghịch, bốn nặng mà người ấy đã tạo làm trong đời trước đều diệt hết không có dư sót, chẳng rơi vào Địa Ngục, chỉ trừ **năm nghịch** thì đời này chịu nhẹ hơn.

Làm sao chúng biết? Ấy là: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày bị bệnh sốt rét, bệnh sốt nóng hoặc bị đau: mắt, tai, mũi, lưỡi, núu lợi (chân răng), răng nanh, răng, đầu, lưng, hai vai, tim, dạ dày, hông sườn, eo, bắp đùi, hai đầu gối, bệnh trĩ, kiết lỵ, **Hoắc Loạn** (dạng bệnh trong bụng như đau ruột, đau dạ dày...), bàn tay, bàn chân, đau buốt bức rức, cùi hủi, trúng gió, ung nhọt, ghẻ chốc, mụn nhọt mưng mủ, du thũng, rôm sảy, ung nhọt độc, bệnh vàng da, Đái Môn, mụn đầu đành, mụn nước, bệnh ngứa, bệnh điên, Yểm Cổ... Hoặc bị Quỷ Thần gây nhiễu loạn, hoặc bị người dân quở trách, chê bai, nhục mạ, mắng chửi... bị rơi vọt, nơi nơi ngăn cấm, chịu khác khổ não, gặp việc ác khác, hoặc mộng chẳng lành...

Thế Tôn! Người này do chịu nhận các việc nhẹ hơn đấy, sẽ hay trừ được tất cả tội báo ứng nặng nề cực khổ. Huống chi là hữu tình tội nhẹ có niềm tin trong sạch, thọ trì Đà La Ni Chân Ngôn này mà chẳng thành tựu ư!...

Nếu hữu tình, thân tâm chẳng an, bị mọi loại tai ách đáng sợ, mộng ác chẳng lành thì ngày ngày thanh khiết đọc tụng, thọ trì, đốt hương cúng dường, liền được tiêu diệt.

Thế Tôn! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện như Pháp viết chép, thọ trì, đọc tụng, lắng nghe Pháp này. Vì người như Pháp tuyên nói, khen ngợi, dạy bảo người khác viết chép, thọ trì, đọc tụng, rộng khiến cho tất cả hữu tình **sinh trong bào thai** (thai), **sinh trong trứng** (noãn) **sinh ở nơi ẩm thấp** (thấp), **sinh theo cách biến hóa** (hóa) được nghe Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia này, đều được giải thoát tất cả tội chướng. Nhóm kẻ trai lành, người nữ thiện đó sẽ tịnh được Tâm ấy, như Lý suy nghĩ. Dùng Trí không có chỗ đắc (vô sở đắc Trí), Trí không có phương xứ (vô phương xứ Trí), Trí không có đi chậm (vô trì hành Trí), Trí không có tạo tác không có nhiễm (vô tác vô nhiễm Trí), Trí của Tính bình đẳng (bình đẳng tính Trí), Trí lià: năm Uẩn, hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị niếm, cảm xúc, pháp cảnh, không có lấy không có bỏ,

ting tiên (Ly ngũ uẩn sắc thanh hương vị xúc pháp vô thủ vô cả ting tiên Trí). Dùng mọi loại **Chân Như Xảo Trí** đó chế ngự nơi Tâm mà làm phương tiện, quán niệm chư Phật thường thấy trước mắt, chẳng lâu sẽ được trăm ngàn tất cả chư Phật ở mười phương một thời hiện trước mặt, xoa đỉnh đầu, khen ngợi, vì mình làm chứng minh.

Hoặc lại trong mộng, lúc ting được thấy tướng tốt. Hoặc được chư Phật biến làm Sa Môn cho thọ nhận **Bồ Tát Tăng Thượng Giới Phẩm** khiến diệt tất cả tội nặng trong vô lượng trăm ngàn vi trần số kiếp, cho đến như Pháp viết chép Kinh đó an trì trong nhà, dùng hương hoa tùy theo Tâm cúng dường, tôn trọng, lễ bái thì Công Đức có được cũng lại như vậy.

Thế Tôn! Nay tạm lược nói chút phật như thế. Nếu hữu tình vì Tâm muốn thắng người khác, ganh ghét, lừa dối. Hoặc bị khủng bố, tài lợi, khinh rẻ, đùa cợt y theo Tâm của người khác... thì người đọc tụng, lắng nghe Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia này đều được thắng lợi. Hoặc lại nghe xong, phi báng Kinh này rồi chẳng cúng kính cũng được thắng lợi.

Thế Tôn! Nay lợi ích này chỉ có người Đại Trí biết, là sức Uy Thần của Thế Tụ Tại Vương Như Lai, là sức Đại Từ Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát khiến cho các bợn ác, tất cả hữu tình một lần trải qua lỗi tai sẽ gieo trồng được vô lượng căn lành. Tại sao thế?

Thế Tôn! Ví như có người dùng Tâm si ác đi đến rừng Long Nãi Hương, các rừng hương... dùng Trí ngu si, mọi loại chửi mắng hương, lại khởi Tâm giận dữ chê bai, nói Hương này thật không có mùi thơm. Lấy hương cắt gọt giã nát làm bột hòa với nước, rồi ăn uống, hoặc xoa bôi trên thân thì Hương đó không có Tâm, chẳng nói người kia khinh chê ta. Do tính của hương đó hay xông ướp tất cả khiến cho vật không có mùi thơm đều được thơm phức.

Thế Tôn! **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này cũng lại như vậy, Nếu các hữu tình nói không có nhân quả, dùng mọi loại phi báng câu điều ác chẳng có lỗi lầm. Hoặc bị tất cả tai nạn do ganh ghét, lừa dối, tiền tài, thức ăn... mà thọ trì, đọc tụng rồi làm cúng dường. Do Nhân Duyên đó thường được căn **Đại Thiện**, từ thân này về sau, nơi sinh ra thường được: hương Giới, hương Định, hương Tuệ, hương Giải Thoát, hương Giải Thoát Tri Kiến, hương tư lương Phước Trí có uy đức không có sợ hãi, hương **Phước Tụ Uẩn** của tất cả Bồ Đề bền chắc chẳng hoại. Được sinh vào nhà quý tộc, tròn đủ nhóm Phước, Giới Tuệ nghiêm thân thường hay nhiều ích.

Thế Tôn! Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì, đọc tụng Đà La Ni này thì vào ngày 8, hoặc ngày 14, hoặc ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa bôi thân, mặc quần áo sạch mới. Hoặc lại chẳng ăn, dứt các đà luận, ở trước mặt Bất Không Quyến Sách Quán Thế Âm Bồ Tát như Pháp mà ngồi, tốt mọi hương thơm tốt, chiêm ngưỡng mặt của Bồ Tát, tụng Đà La Ni này 49 biến hoặc 108 biến

Thế Tôn! Nên biết người đó ở trong đời hiện tại liền được 20 loại Công Đức thắng lợi. Thế nào gọi là hai mươi?

1_ Thân không có mọi bệnh. Nếu có nghiệp đời trước sinh ra bệnh thì mau khiến trừ diệt

2_ Thân có da mềm mại, xinh tươi tuyệt đẹp

3_ Luôn được mọi người quán nhìn yêu thích chẳng có chán ghét

4_ Sáu Căn thường định, tài bảo tự nhiên

5_ Chẳng bị giặc cướp xâm đoạt quần áo, tài bảo

6_ Chẳng bị nước cuốn, lửa đốt tất cả tài bảo

7_ Chẳng bị xâm lăng, giết hại, cưỡng đoạt cướp lấy tài bảo khiến cho bị đốt khát mà chết

8_ Chẳng bị té ngã từ sườn núi xuống mà chết

9_ Gia trì vào nước sạch, rưới vảy lên tất cả quả trái, mầm lúa thì gió ác, sương, mưa đá, loài trùng thú đều chẳng thể gây tai nạn, mầm lúa được tươi tốt.

10_ Chẳng bị quân trận đấu tranh mà giết hại chết

10_ Chẳng bị các Quỷ Thần ác trong Thế Gian ăn hút tinh khí, oán thù hại chết

12_ Thường được mọi người xưng tán khen ngợi mến mộ, chẳng bị chết trong giờ ác

13_ Nếu thấy tất cả Ngoại Đạo, người ác thì tự nhiên hòa kính

14_ Chẳng bị tất cả người ác phỉ báng mưu hại. Nếu có người khởi lên thì mau tự diệt ngay

15_ Luôn không có sợ hãi tất cả hàng Người, Phi Nhân

16_ Chẳng bị Yêm Cỗ, Chú Trớ, Quỷ **Trà Chỉ Ni** (Dākṇī) trong Thế Gian được dịp thuận tiện hại chết

17_ Tất cả các ác, Tùy Miên Phiền Nã tự nhiên tiêu diệt

18_ Chẳng bị chết do nước cuốn, lửa đốt, đao, tên, thuốc độc, trùng độc ương hại

19_ Tất cả chư Thiên thường đang ủng hộ

20_ Ngay nơi sanh ra, có đủ Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả, bốn Tâm không có ngăn ngại.

Thế Tôn! Lại có tám Pháp. Thế nào gọi là tám?

1_ Khi lâm chung thời Quán Thế Âm Bồ Tát tự biến hiện thân làm tướng Sa Môn khéo léo dẫn đường cùng đến cõi Phật

2_ Khi lâm chung thời thân thể chẳng đau đớn, đi đứng tự tại như nhập vào Thiên Định

3_ Khi lâm chung thời mắt chẳng nhìn ngược hiện tướng ác

4_ Khi lâm chung thời tay chân an ổn, nằm nghiêng theo hông bên phải mà chết

5_ Khi lâm chung thời đại tiểu tiện thông lợi chẳng tuôn ra phân dính máu ác mà chết

6_ Khi lâm chung thời chẳng mất Chính Niệm, chẳng nằm sấp mặt, ngồi ngay ngắn mà chết

7_ Khi lâm chung thời được nghe mọi loại đàm thuyết về Pháp màu nhiệm sâu xa rồi mới chết

8_ Khi lâm chung thời nguyện sinh về cõi Phật, tùy nguyện sinh về cõi nước thanh tịnh của chư Phật, hoa sen hóa sinh, thường thấy tất cả chư Phật, chúng Bồ Tát Ma Ha Tát, luôn chẳng thoái lui.

Thế Tôn! Nếu có hữu tình ưa thích sâu xa Pháp này, tức liền vì họ nói. Hoặc có phát Tâm, dốc sức cầu Pháp này thọ trì đọc tụng thì cũng chẳng bủn xỉn, y theo Pháp rộng vì họ phân biệt giảng nói. Tại sao thế?

Vì **Bồ Tát** đối với các hữu tình thường khởi **Bi Trí**, không có Tâm bủn xỉn tiếc rẻ, ganh ghét... mới được tu trì Pháp vô thượng. Lại nữa, Bồ Tát luôn vì hữu tình siêng tu Pháp Thiện. Thế nên được tên gọi chân thật là Bồ Tát.

Nói **Bồ Đề Tát Đỏa** (Bodhisatva) là nói thế nào? **Bồ Đề** (Bodhi) gọi là **Trí** (Jñāna), **Tát Đỏa** (Satva) gọi là **Bi** (Kāraṇa), bày khắp mọi nghĩa của **phương tiện** (Upāya). Dùng hai Pháp này cứu giúp hữu tình, mới được tên gọi là **Bồ Đề Tát Đỏa**

Nếu Đức Thế Tôn cho phép con thì con sẽ vì lợi ích tất cả hữu tình cho đến nhóm chúng sinh có **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), **Đoạn Kiến** (Uccheda-dṛṣṭi), Tuệ ác... Nay con muốn ở trước mặt Đức Như Lai, nói **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia**. Nguyện xin rủ thương chấp nhận”.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Này Thiện Nam Tử! Ông hãy nói đi! Nay chính là lúc! Như Lai cũng tùy vui, Ta sẽ gia bị cho ông. Nay vì lợi ích cho tất cả hữu tình ít Phước nhiều bụi dơ trong đời ác với vì Bồ Tát mới học trụ Đại Thừa, rộng làm lợi lạc cho làm việc Phật”

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nương theo sự nghe hứa của Đức Phật, liền vui vẻ mỉm cười, chấp tay cung kính, chiêm ngưỡng Đức Như Lai chẳng chớp mắt, rồi bạch rằng: “ Nay Đức Thế Tôn Như Lai đã nghe hứa cho con nói **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** đây. **Tam Muội Gia** này mới là điều mà tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát cùng nhau tu trì đến nơi giải thoát. Nay con thương xót Thế Gian, vì lợi lạc an vui cho vô lượng hữu tình mà nói Thần Chú này.

Nếu người thọ trì, trước tiên nên

Kính lễ **Chánh Chân Hạnh Từ Thị Bồ Tát Ma Ha Tát Chúng** (Namaḥ samyaggatānāṃ āryāmaitreya-pramukhebhya mahābodhisatva-saṃghebhyaḥ)

Kính lễ **Kim Sắc Quang Minh Hồng Thanh Tụ Tại Vương Như Lai** Ứng Chánh Đẳng Giác (Suvarṇa varṇa-supratibhāsa-vinartiteśvara-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Sư Tử Du Hý Vương Như Lai** (Simha-vikrīḍita- rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābhāya-Tathāgata)

(Xem xét văn của bản Phạn. Nếu lược tụng trì, tức lược Kính lễ Phật Bồ Tát đấng, từ **Từ Thị Bồ Tát** trở xuống, lược đến Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai, từ Vô Lượng Quang Như Lai lược đến chỗ Kính lễ Phật Pháp Tăng Bảo đấng)

Kính lễ **Thiện Vãng** (?Thiện Trụ) **Ma Ni Bảo Tích Vương Như Lai** (Supraṭiṣṭhita-maṇikūṭa- rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Phổ Quang Minh Tán Thán Công Đức Tích Vương Như Lai** (Samanta-raśmyudgata-śrikūṭa-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Thắng Quán Như Lai** (Vipaśyine Tathāgata)

Kính lễ **Bảo Kế Như Lai** (Śikhine Tathāgata)

Kính lễ **Thế Gian Tụ Tại Vương Như Lai** (Lokeśvara-rāja Tathāgata)

Kính lễ **Xả Ly Tồn Hoại Uẩn Như Lai** (Krakucchandāya Tathāgata)

Kính lễ **Kim Sắc Thân Tịch Như Lai** (Kānaka-muṇaye Tathāgata)

Kính lễ **Âm Quang Như Lai** (Kāśyapāya Tathāgata)

Kính lễ **Năng Tịch Như Lai** (Śākyamuṇaye Tathāgata)

Kính lễ **Thiện Danh Xưng Như Lai** (Suprakīrtita-nāmadheyāya Tathāgata)

Kính lễ **Phổ Quang Thắng Oán Địch Đức Như Lai** (Samantāvabhāsa-vijita-saṃgrāma-śrīye-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Đế Tràng Đức Như Lai** (Indra-ketu-dhvaja-śrīye Tathāgata)

Kính lễ **Bảo Quang Minh Tụ Tại Vương Như Lai** (Ratna-prabhāśvara-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Vô Ngại Dược Vương Như Lai** (Apratihata-bhaiṣajya-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Dũng Mạnh Du Bộ Như Lai** (Vikrānta-gāmine Tathāgata)

Kính lễ **Thiện Trụ Vô Úy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác** (Atītānā-gata-pratyutpanna Tathāgatāya Arhate Samyaksambuddhāya)

Kính lễ **Phật Bảo, Pháp Bảo, Bất Sô Tăng Bảo** (Namo buddhāya, namo dharmāya, namo saṃghāya)

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là **Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Āryāvalokiteśvarāya bodhi-satvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya)

Kính lễ các bậc Thánh như vậy xong, tụng **Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Mật Ngôn**”

_Bấy giờ, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát trước tiên liền nhập vào Định, quán sát kỹ lưỡng câu chữ của **Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn** đều như màu vàng ròng tỏa sáng rực rỡ chiếu mười phương Giới. Từ Tam Muội khởi dậy, liền nói **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Mật Ngôn** là:

“**Năng mặc** (kính lễ) **tất để-ly gia** (tam, số ba) **đặc phộc nộ nga đá** (quá khứ) **bát-la để sắt-sĩ đế** (hiện tiền) **tệ-gia**.

*)NAMAḤ STRIYA-DHVĀNUGATA PRATIṢṬITEBHYAḤ

Năng mặc (kính lễ) **tất phộc** (tất cả) **mẫu đà** (Phật) **bồ đề sa để-vi** (Bồ Tát) **tệ-gia**

*)NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVEBHYAḤ

Năng mặc (kính lễ) **tất phộc** (tất cả) **bát-la để duệ ca mẫu đà** (Độc Giác) **A lý-gia** (Thánh Giả) **thất la phộc ca** (Thanh Văn) **tăng kỳ-duệ tỳ-dữu, a để đá** (quá khứ) **năng nga đa** (vị lai) **bát-la để-dữu đắc-bán ninh tỳ-da** (hiện tại)

*)NAMAḤ SARVA PRATYEKA-BUDDHĀRYA-ŚRĀVAKA-SAMGHĀYEBHYU ATĪTĀNĀGATA PRATYUTPANNEBHYAḤ

Năng mặc (kính lễ) **tam miểu nga đa nan, tam miểu** (chính) **bát-la để bán na nan** (thành tựu)

*)NAMAḤ SAMYAGGATĀNĀM SAMYAK-APRATIPANNĀNĀM

Năng mặc (kính lễ) **xá la nại-phộc để** (cát) **tô đa gia** (Xá Lý Tử) **mang ha** (đại, to lớn) **mạt thản duệ** (Trí Tuệ)

*)NAMAḤ ŚĀRADVATĪ-PUTRĀYA MAHĀ-DĀNAPATAYE

Năng mặc (kính lễ) **a lợi-gia** (Thánh Giả) **muội để-ly gia** (Tứ Thi) **bát-la mẫu khê-biêu** (là hàng Thượng Thủ) **ma ha** (đại) **bồ đề sa đắc vi biểu**

*)NAMAḤ ĀRYĀMAITREYA-PRAMUKHEBHYO MAHĀ_BODHI-SATVEBHYO

Năng mãng tô mạt lý-noa (Kim sắc) **bát-la bà** (quang) **vi năng la nễ** (quang diệm) **thấp phộc la** (tự tại) **hạt la nhạ gia** (vương) **đát tha yết đa gia** (Như Lai)

*)NAMAḤ SUVARṆA-PRABHA VINARDITEŚVARA-TATHĀGATĀYA

Năng mặc (kính lễ) **tư dựng hà** (sư tử) **vĩ cật-ly nê đá** (du hý) **hạt la nhạ gia** (vương) **đát tha yết đa gia** (Như Lai)

*)NAMAḤ SIMHA-VIKRĪDITA TATHĀGATĀYA

Năng mưu nhĩ đa bà dā (Vô Lượng Quang) **đát tha yết đa gia** (Như Lai)

*)NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mãng tô bát-la để sắt-sỉ đá (thiện an trụ) **mãng nê cứ tra la nhạ gia** (Ma Ni Tràng vương) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ SUPRATIṢṬHITA-MANI-KŪṬA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mạc (kính lễ) **tam mạn đa** (phổ) **la thấp-nhĩ** (quang) **ô đặc-nga đá** (cao) **thất lý** (thắng) **cứ tra** (tràng) **hạt la nhạ gia** (vương) **đát tha yết đa gia** (Phổ Quang Cao Thắng Tràng Như Lai)
*)NAMAḤ SAMANTA-RAŚMYUDGATA-ŚRĪ-KŪṬA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mô (kính lễ) **vĩ bả thủy ninh** (thắng quán sát) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMO VIPAŚYINE TATHĀGATĀYA

Năng mạc thất khí ninh (hỏa quang) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ ŚIKHINE TATHĀGATĀYA

Năng mạc vĩ thủy-phạm (tự tại) **bộ vi** (thế gian) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ VIŚVABHUVĒ TATHĀGATĀYA

Năng mạc trá-la cử thôn na gia, **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ KRAKUCCHANDĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mạc ca na ca (kim, vàng ròng) **mẫu na duệ** (tiên) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ KANAKA-MUṆĀYE TATHĀGATĀYA

Năng mạc Ca xả dã bá gia (Ca Diệp) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ KĀŚYAPĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mô xá chỉ-gia mẫu na duệ (Thích Ca) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMO ŚĀKYA-MUṆĀYE TATHĀGATĀYA

Năng mạc tô bát-lý chỉ-lật để đá (danh xưng) **năng mang đệ dạ gia**, **đát tha yết đa gia**
*)NAMAḤ SUPRAKĪTITA-NĀMADHEYĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mạc tam mạn đá (phổ) **phộc bà sa** (quang minh) **vị nhật đa** (thắng) **tăng nga-la mang** (chiến) **thất-lý duệ** (cát tường) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ SAMANTĀVABHĀSA-VIJITA-SAMGRĀMA-ŚRĪYE TATHĀGATĀYA

Năng mạc ấn đạt la (Đế Thích) **kê đô** (tràng) **đặc-phộc nhạ** (tướng) **thất-lợi duệ** (cát tường) **đát tha yết đa gia** (Nhur Lai)
*)NAMAḤ INDRA-KETU-DHVAJA-ŚRĪYE TATHĀGATĀYA

Năng mặc lạt thân na (bảo, vật báu) **bát-la bà tể** (quang) **thấp-phộc la** (tự tại) **la nhạ gia** (vương) **đát tha yết đá gia** (Như Lai)

*)NAMAḤ RATNA-PRABHĀSĒŚVARA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mặc a bi-la để hà đá (vô năng hoại) **muội sái nhĩ-gia** (dược, thuốc) **la nhạ gia** (vương) **đát tha yết đá gia** (Như Lai)

*)NAMAḤ APRATIḤATA-BHAIṢAJYA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Năng mô vĩ cật-lan đá (siêu) **nga nhĩ ninh** (bộ) **đát tha yết đá gia** (Như Lai)

*)NAMO VIKRĀNTA-GĀMINE TATHĀGATĀYA

Năng mặc tô bát-la để sắt-sỉ đá (thiện an trụ) **nại lý-gia** (vô úy) **đát đá nga đá gia** (Như Lai)

*)NAMAḤ SUPRATIṢṬITA-DAIRYA TATHĀGATĀYA

Năng mặc tát bà đát tha nga để tỳ-dữu, a la hà nạp tỳ-dược (Kính lễ tất cả Như Lai) **tam miểu tam mẫu đệ tỳ-dược** (Chính Biến Tri)

)NAMAḤ)NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYU ARHATEBHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

Nam mô lạt đát na đát-la dạ gia (Kính lễ Tam Bảo)

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

Năng mô a lợi gia (Thánh Giả) **phộc lộ chỉ đế** (Quán) **thấp phộc la gia** (Tự Tại) **mẫu đệ tát đắc phộc gia** (Bồ Tát) **mang ha tát đắc phộc da** (Ma Ha Tát) **mang hạ ca lỗ ni ca gia** (Đại Bi Giả)

*)NAMO ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

Ê tỳ-dao (như thi) **năng mô tác cật-lý đắc-phộc** (tác lễ) **y na** (thử, điều này) **ma lý gia** (Thánh Giả) **phộc lộ chỉ đế** (Quán) **thấp phộc la** (tự tại) **mẫu khu đặc-kì lạt nam** (khẩu tuyên thuyết) **a mộ già bá triêm** (bất không quyền sách) **năng mang** (danh, tên gọi) **hiệt-lý na diệm** (tâm) **đát tha nga đá** (Như Lai) **tam mỗ khư** (đôi trước mặt Như Lai) **ma sắt đam** (thuyết) **ma yết đắc bát lý sa** (chúng) **mạt địa duệ** (trung, ở giữa) **a nga** (ngã) **nhĩ na ninh** (kim, nay) **mang mạt đá dĩ sử-dã nhĩ duệ** (tuyên thuyết) **tát phộc** (nhất thiết, tất cả) **ca lợi dã** (tác, tạo làm) **tát phộc** (nhất thiết, tất cả) **ma duệ số giả** (khủng bố) **minh** (ngã) **la khát xoa, la khát xoa** (xưng tên gọi của mình) **bà phộc đô** (ủng hộ) **tát phộc tát đắc-phộc nan giả** (tất cả chúng sanh)

EBHYO NAMASKṚTVĀ IDAM-ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA MUKHONGĪRṆAM AMOGHA-PĀŚA-RĀJA NĀMA HRDAYAṀ TATHĀGATA SAṀMUKHA-BHĀṢITAṀ MAHATĀ PARṢATA MADHYE AHAMIDĀNIMĀVARTTAYIṢYE SARVA-KĀRYA SARVA BHAYE ŚUCA ME_RAKṢA RAKṢA BHAVATU SARVA-SATVANĀMCA

Thần ninh dã tha: Ân, chá la chá la, chỉ lý chỉ lý, chủ lỗ chủ lỗ

*)TADYATHĀ: OM _ CARA CARA _ CIRI CIRI _ CURU CURU

Ma ha ca lộ ni ca gia (Đại Bi) **tát la tát la, tỉ lý tỉ lý, chỉ lý chỉ lý, bỉ lý bỉ lý, vĩ lý vĩ lý**

*) MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: SARA SARA, SIRI SIRI _ CIRI CIRI _ VIRI VIRI

Ma ha bát đắc mang (Đại Liên Hoa) **hạ tắc đá gia** (Thủ, bàn tay) **ca la ca la, chỉ lý chỉ lý, cử lỗ cử lỗ**

*) MAHĀ-PADMA-HASTĀYA: KALA KALA _ KILI KILI _ KULU KULU

Ma ha thử đà (thanh tịnh) **tát đắc-phộc gia** (hữu tình) **ế hề duệ hứ, mỗ địa-dã mỗ địa-dã, đà phộc đà phộc, bộ đà gia bộ đà gia, ca noa ca noa, chỉ nê chỉ nê, cử nộ cử nộ**

*) MAHĀ-ŚUDDHA-SATVĀYA BUDHYA BUDHYA _ BODHAYA BODHAYA _ KAṆA KAṆA _ KIṆI KIṆI _ KUṆU KUṆU

Tỳ la mắng (Đệ nhất) **thử đà** (thanh tịnh) **tát đắc-phộc gia** (hữu tình) **ca la ca la, chỉ lý chỉ lý, cử lỗ cử lỗ**

*) PARAMA-ŚUDDHA-SATVĀYA: KARA KARA _ KIRI KIRI _ KURU KURU

Ma ha (đại) **tắc tha ma** (thế) **bát-la bát đá gia** (đắc) **giả la giả la, tán giả la tán giả la, vĩ giả la vĩ giả la, tỉ la giả tỉ la giả, ế tra tra ế tra tra, bà la bà la, tỳ lý tỳ lý, bộ lỗ bộ lỗ, đát la đát la, để lợi để lợi, đồ lỗ đồ lỗ**

*) MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA: CALA CALA _ SAṂCALA SAṂCALA _ VICALA VICALA _ PRACALA PRACALA _ EṬAṬA EṬAṬA _ BHARA BHARA _ BHIRI BHIRI _ BHURU BHURU _ TARA TARA _ TIRI TIRI _ TURU TURU

Hệ hệ (lai, đi đến) **mang ha** (đại) **ca lỗ nê ca** (Bi) **mang ha bát thử bát đê-dã** (Tự Tại Thiên) **vi sa đà la** (thân) **đà la** (mão, dai như hình Đại Tự Tại Thiên) **đà la đà la, sa la sa la, giả la giả la, bạt la bạt la, phộc la phộc la, ha la ha la, hạ hạ, hệ hệ, hộ hộ**

*) EHYEHI MAHĀ-KĀRUNĪKA: MAHĀ-PAŚUPATIYA-VEŚA-DHARA _ DHARA DHARA _ SARA SARA _ CARA CARA _ PARA PARA _ VARA VARA _ HARA HARA _ HĀHĀ HĪHĪ HŪHŪ

Án, ca la một-la ham mắng (Đại Phạm Thiên) **vi sa** (hình) **đà la** (trì, cầm giữ) **đạt la đạt la, địa lý địa lý, độ lỗ độ lỗ, tha lỗ tha la, đá la đá la, sa la sa la, bạt la bạt la, thủy cật mâu thủy cật mâu, phộc la phộc la**

*) OM _ KARA BRAHMA VAŚA-DHARA _ DHARA DHARA _ DHIRI DHIRI _ DHURU DHURU _ DHARŪ DHARŪ _ TARA TARA _ SARA SARA _ PARA PARA _ ŚIKHI HŪM ŚIKHI HŪM _ VARA VARA

Lạt thấp danh (quang minh) **xả đá sa ha tát la** (trăm ngàn) **bát-la đê mạn nê đá** (trang nghiêm) **xá lý la** (thân) **nhập phộc la nhập phộc la, đá ba đá ba, bá sa bá sa, bà la ma bà la ma**

*) RAŚMI-ŚATA- SAHASRA-PRATIMANḌITA-ŚARĪRA: JVALA JVALA _ TAPA TAPA _ BHĀSA BHĀSA _ BHRAMA BHRAMA

Bạc già phạm (Thế Tôn) tô mang (nguyệt) nễ-dật để da (nhật) diệm ma (Diệm Ma Vương) phộc lỗ noa (Thủy Thiên) câu vi la (Tỳ Sa Môn) một-la ham minh nại la (Phạm Thiên Đê Thích) đà năng na (dữ tài) hiệt-ly sur nga noa (tiên chúng) nê phộc nga noa (Thiên Chúng) tỳ-dã lật chỉ đá (cúng dường) giả la ninh (thị) tô lỗ tô lỗ, chủ lỗ chủ lỗ, mẫu lỗ mẫu lỗ, bổ lỗ bổ lỗ

*)BHAGAVAM SOMA ĀDITYA YAMA VARŪṆA KUBERA BRAHMA INDRA RṢĪ-GAṆA DEVA-GAṆEBHYAḤ ARCITA-CARAṆA, SURU SURU, CURU CURU MURU MURU

Tán năng câu mãng la (Đồng Tử) hộ-lỗ đặc la (Tự Tại Thiên) phộc sa phộc (Bà Tẩu Tiên) Vĩ sắt nữ (Na La Diên) đà năng na (Chủ Tạng Thần) đà bà dã phộc dụ (Phong) Phộc nghĩ nãnh (Hỏa) nê phộc (Thiên) hiệt-ly sur (Tiên) na dã ca (Đạo Sư) Phộc hộ (đà) vĩ vĩ đà (chùng chùng) vĩ chỉ đất la (tạp sắc) vi sa lỗ ba (hình sắc) đà la nê (tác) đà la đà la, địa lý địa lý, độ lỗ độ lỗ, tha la tha la, già la già la, yết la yết la, bá la bá la, na la na la, phộc la phộc la

*)SANAT-KUMĀRA RUDRA VĀSAVA-VIṢṆU-DHANADA VĀYU AGNI-DEVA RṢI NĀYAKA BAHU-VIVIDHA VICITRA VEŚA-RŪPA-DHARAṆI, DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, THARA THARA, GHARA GHARA, GARA GARA, PARA PARA, NARA NARA, VARA VARA

Phộc la na dã ca (Dữ Nguyên) tam mạn đá (Phô) phộc lộ chỉ đá (Quán sát) vĩ lộ chỉ đá (Diệu Quán Sát) lộ kế (Thế Gian) thấp phộc la (Tự Tại) ma hề (Đại) thấp phộc la (Tự Tại) mộ hồ mộ hồ, mỗ lỗ mỗ lỗ, mỗ dã mỗ dã, muộn giả muộn giả, lạc cật xoa lạc cật xoa, ma ma (xung tên...) tát phộc tát đặc-phộc nan già (tất cả chúng sinh)

*)VARADĀYAKA SAMANTĀVALOKITA- VILOKITA LOKEŚVARA MAHEŚVARA, MUHU MUHU, MUYA MUYA, MUMCA MUMCA, RAKṢA RAKṢA MAMA SARVA-SATVĀNĀMCA

Bạc già bạn, a lợi da phộc lỗ chỉ để thấp phộc la gia, tát phộc bà duệ tỳ-dã (khủng bố) tát vô bát na la vi tỳ-dã (tất cả suy) tát vô bá tát la nghệ tỳ dã (ách nạn) tát phộc ngật la hệ tỳ dã (ngược, sót rét) tát phộc vĩ-dã địa tỳ dã (nhất thiết bệnh) tát phộc nhập phộc lệ tỳ-kê ma đà (sát, giết chết) vãn đà năng (cắm) đá lợi noa năng (già, gông cùm) đất nhạ năng (tỏa, xiềng xích) hạt la nhạ (Vương) chủ la (tặc, giặc cướp) đất tắc ca la (tặc, giặc cướp) a kì nê (hỏa, lừa) minh na ca (thủy, nước) vĩ sa (độc, chất độc) xả tắc đất la (đao kiếm) ba lý mộ giả ca (phóng miễn ách nạn) ca noa ca noa, chỉ nê chỉ nê, cử nữ cử nữ, giả la giả la, chỉ lý chỉ lý, chủ lỗ chủ lỗ

*)BHAGAVAM ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA SARVA-BHAYEBHYAḤ, SARVOPADRAVEBHYAḤ SARVOPASAGREBHYAḤ, SARVA-GRAHEBHYAḤ, SARVA-VYĀDHIBHYAḤ, SARVA-JVAREBHYAḤ VADHA BHANDHANA, TĀḌANA TARJJANA RĀJA CORA TASKARA AGNI UDAKA VIṢA ŚĀSTRA PARIMOCAKA, KAṆA KAṆA, KINĪ KINĪ, KUṆU KUṆU, CARA CARA

Ấn niết-ly da (căn) ma la (lực) bộc địa-dựng nga (giác phần) chiết đồ (tứ, số 4) la gia (Thánh Giả) tát để-da (Tứ Đế) tam bát-la xả ca (diễn thuyết) đáp mãng đáp

mãng (hắc hắc) **na ma na ma, tam ma tam ma** (đẳng đẳng) **ma sa ma sa, ma ha đáp muôn** (Đại hắc) **đà ca la** (ám) **vĩ đà mãng** (trừ) **ba la mật đá** (bi ngàn, bờ bên kia) **ba lợi bố la nê** (khiến cho mãn túc) **nhĩ lý nhĩ lý, trá trá trá trá, trá trá trá trá, trí trí trí trí, sĩ sĩ sĩ sĩ, trác trác trác trác, lâu lâu lâu lâu**

*)INDRĪYA BALA-BODHYAṄGA, CATUR-ĀRYA-SATYA
SAMPRAKĀŚAKA, TAMA TAMA, DAMA DAMA, SAMA SAMA, MASA
MASA

*)MAHĀ-TAMONDHAKĀRA- VIDHAMANA PĀRAMITĀ
PARIPŪRAṆI, MILI MILI, ṬATA ṬATA, ṬAṬHA ṬAṬHA, ḌIDI ḌIDI,
ṬUṬU ṬUṬU, ṬIṬHI ṬIṬHI, DHUDHU DHUDHU

É ninh-gia (lộc) **chiết ma** (ba, sóng nước) **cật lý-đá** (tác) **ba lợi ca la** (phi, vạch ra, chia rẽ) **é hệ hệ y, thấp phộc la** (Tự Tại) **mang hạ bộ đá** (Đại Quý Thần) **nga năng** (chúng) **mạn giả la** (hay phá) **ca la ca la, chỉ lý chỉ lý, cử lỗ cử lỗ, bá la bá la, giả la giả la, sa la sa la, yết la yết la, ca tra ca tra, bát tra bát tra, mãng tra mãng tra**

*)ENEYA CARMA-KṚTA- PARIKARA EHYEHI ĪŚVARA MAHĀ-
BHŪTA-GAṆA BHAMJALA: KARA KARA, KIRI KIRI, KURU KURU, PARA
PARA, CARA CARA, SARA SARA, KARA KARA, KAṬA KAṬA, PAṬA
PAṬA, MAṬA MAṬA

Tô (thiện) **vĩ thú đà** (thanh tịnh) **vĩ sai da** (quốc độ) **phộc tử na** (chỉ trụ) **mang hạ ca lỗ nê ca** (Đại Bi) **thấp phệ đá** (bạch, màu trắng) **duợc ngữ nữ** (tuyển, sợi dây) **bả vĩ đa** (lạc thuần, quán quanh ùi) **hạt la đất năng** (bảo, vật báu) **mạc cử trá** (cái mào) **ma la đật la** (hoa man, vòng hoa) **tát phược ngữ nương** (nhất thiết Trí) **thất la tử** (đỉnh đầu) **cật lý đá** (đeo mang) **nhạ trá** (tóc) **mỗ cử tra** (cái mào) **mang hạ** (Đại, to lớn) **đặc bộ đa** (hiếm có) **kiếm ma la** (hoa sen) **cật-ly đá** (tác, tạo làm) **ca la đá la** (chấp, cầm nắm) **địa dã năng** (Thiền) **tam ma địa** (định) **vĩ mẫu khát xoa** (giải thoát) **bát-la kiếm bỉ-gia** (bất động) **phộc hộ** (đa, nhiều) **tát đặc phộc** (chúng sinh) **tán đá để** (tâm lưu chú) **bát lý bá giả ca** (điều phục)

*)SU_VISUDDHA-VIṢAYA-VĀSINA MAHĀ-KĀRUṆIKA ŚVETA-
YAJÑOPAVĪTA RATNA-MAKUṬA-MĀLĀDHARA, SARVA-JÑA-ŚIRASI
KṚTA, MAKUṬA MAHĀDBHUTA KAMALA-KṚTA KARATALA DHYĀNA-
SAMĀDHI-VIMOKṢAM APRAKAMPYA BAHU-SATVA SANTATI-
PARIVĀRAKA

Ma ha ca lỗ ni ca (Đại bi) **tát phộc yết mãng** (tất cả Nghiệp) **a la noa** (chương) **vi du đà ca** (khiến cho thanh tịnh) **tát phộc vĩ-dã đề** (tất cả bệnh) **bát-la mộ giả ca** (như được thoát ra, xa lìa) **tát phộc tất đặc tất** (tất cả chúng sinh) **a xa** (tâm) **bát lý bố lạc ca** (khiến cho mãn túc) **tát phộc tất đặc phộc** (tất cả chúng sinh) **tam ma thấp-phộc sa yết la** (An úy) **nam mô tốt đồ chì** (đỉnh lễ) **sa-phộc hạ**

*)MAHĀ-KĀRUṆIKA SARVA-KARMĀVARAṆA VIŚODHAKA,
SARVA-VYĀDHI-PARIMOCAKA, SARVA-SATVĀŚAPARIPURAKA SARVA-
SATVA-SAMA-ŚVASA KARA, NAMO STUTE SVĀHĀ

A ca la (phi thời) **mật lý để-dữu** (trúng yêu, chết non) **bát-la xá mãng na gia** (liền ần đi) **sa-phộc hạ**

AKĀLA-MṚTYU PRAŚAMAṆĀYA SVĀHĀ

A mỗ già gia (Bất Không) sa-phộc hạ

*)AMOGHĀYA SVĀHĀ

A nễ đấ gia (Vô Năng Thắng) sa-phộc hạ

*)AJITĀYA SVĀHĀ

A bát-la nễ đa gia (Vô Năng Thắng) sa-phộc hạ

*)APARĀJITĀYA SVĀHĀ

Vĩ la na gia (tinh tiên) sa-phộc hạ

*)VĪRA_NAYA SVĀHĀ

Phộc la tỉ la na gia (hay ban cho nguyện) sa-phộc hạ

*)VARA PRADĀYA SVĀHĀ

Ế nan tắc (thử, điều này) giả danh (ngã, cái ta) tát phộc yết mạn (tất cả sự nghiệp) cũ lỗ (tác làm) nam mô tốt đồ đế (đỉnh lễ) sa-phộc ha

*)IDAM SUCAME SARVA-KARMA KURU NAMOSTUTE SVĀHĀ

Án, nhạ gia, hồng, sa-phộc hạ

*)OM_JAYA HŪM SVĀHĀ

Án, hồng, nhạ, sa-phộc hạ

*)OM_HŪM JA SVĀHĀ

Án, hiệt-lý, trất lệ lộ chỉ-gia vĩ nhạ gia, a mỗ khư bá xả gia, a bát-la đề hạ đả, hiệt-lý nhật-lợi, hác, hứ, hồng, phán, sa-phộc hạ

*)OM_HRĪḤ TRAILOKYA-VIJAYA AMOGHA-PĀŚĀYA
APRATIHATA HRĪḤ HRĪM HAḤ HĪ HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nói Đà La Ni này thời, phóng ánh sáng chiếu khắp núi **Bổ Đà Lạc** (Potala), cung điện trong núi ấy chấn động theo sáu cách, ở trong hư không tuôn mưa các hoa của cõi Trời: hoa **Ha Vật Đầu**, hoa **Ba Đầu Ma** (Padma), hoa **Bôn Noa Lợi** (Puṇḍarika), hoa **Mạn Đà La** (Māṇḍāra), mọi loại hoa báu, hương báu. Các quần áo, Anh Lạc, vòng xuyên báu của cõi Trời, mây biển vật dụng trang nghiêm báu... cúng dường Đức Như Lai, rồi lại cúng dường Đại Chúng trong Hội, hoa ngập đến đầu gối, trong hư không ấy vô lượng nhạc Trời chẳng đánh tự tấu vang.

Trong Hội: tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, La Sát, A Tác Lạc, Càn Thát Bà, Nguyệt Lỗ Trà, Khẩn Na La, Mạc Hồ La Già, Người, Phi Nhân một thời vui vẻ, chấp tay chiêm ngưỡng, đồng thanh khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Đấng Đại Bi hay khéo nói **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Tam Muội Gia Đẳng Ma Ni Bảo** này, hau ban cho hữu tình, tuôn cơn mưa báu lớn, thấm nhuần khắp cả mà được giải thoát”

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn này. Nếu nhóm kẻ trai lành, người nữ thiện một ngày một thời riêng

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

thieu đốt **Trầm Thủy Hương**, tụng 21 biến thì mau được tiêu diệt các tội: **mười ác, năm nghịch, bốn nặng**

Nếu ở đường đi, nơi cư trú qua đêm. Hoặc ở thành ấp, thôn xóm, núi, đầm, phương xứ dã trụ... người tụng niệm dùng Chân Ngôn gia trì vào hạt cải trắng, hoặc lại gia trì vào nước sạch kèm với tro rưới vảy kết Giới. Dùng Chân Ngôn gia trì vào cây cọc Kim Cương bằng gỗ **Khư Đà La** (Khadira), dùng Chân Ngôn gia trì vào sợi dây ngũ sắc rồi cột buộc trên cây cọc, đem đóng ở bốn góc tức thành **Kết Giới** thì dùng nghỉ an ổn không có các việc đáng sợ, làm **Đại Hộ Trì Chân Ngôn** thì **Minh Thần** (Vidya-devatā) đều vui vẻ. Người trì Chân Ngôn kết sợi dây màu trắng cho người bị tai vạ đeo, tức được trừ khỏi.

Nếu tất cả người dân đeo trên cánh tay, trên cổ tay, trên đỉnh đầu, trên eo... thì người bị bệnh được khỏi bệnh, người sợ hãi được yên ổn.

Gia trì vào Ngưu Tô hoặc mè đen rồi cho người bị bệnh nóng sốt uống vào khi bụng trống, tức khiến trừ khỏi bệnh.

Nếu Chú Trớ, Yểm Cổ khác. Trì Chân Ngôn vào cây đao bằng thép già dựa đề lên chi phần của người bị ám, lại ngâm **miến** nặn hình người ấy, một lần trì Chân Ngôn thì một lần chặt cắt, cho đến 108 đoạn. cho đến 7 ngày, mỗi ngày như vậy tức liền trừ khỏi.

Nếu bị đau bụng, trì Chân Ngôn vào nước nóng rồi cho uống vào, tức liền trừ khỏi

Nếu bị tất cả trùng độc chích đốt. Trì Chân Ngôn vào bùn đất màu vàng rồi xoa bôi lên chỗ bị độc, hoặc gia trì vào sữa bò cho uống khi bụng trống. Hoặc gia trì vào nước cốt đậu đã chung nấu, để cho ấm rồi thấm lên chỗ bị trùng độc ca81b, liền được trừ khỏi.

Nếu bị đau mắt, trì Chân Ngôn vào sợi dây trắng rồi đeo cột ở lỗ tai, Hoặc trì Chân Ngôn vào nước của **Trúc Lịch** (nước dịch chảy ra từ cây trúc), Cam Thảo, Bạch Đàn Hương. Mỗi ngày: sáng sớm, giờ Ngọ, chiều tối thì rửa con mắt, Hoặc trì Chân Ngôn vào nước **Ba La Xa** (Palāśa: Cây hoa đỏ, cây Thánh của Bà La Môn Giáo), ngày ngày tẩy rửa tức được trừ khỏi

Nếu tai bị bệnh có gió nóng kêu vang, trì Chân Ngôn vào dầu mè sòng, hoặc **Đề Hồ** (Maṇḍa, hay Sarpir-maṇḍa) rồi nhỏ vào lỗ tai, chẳng lâu sẽ trừ khỏi bệnh.

Nếu dùng Chân Ngôn gia trì vào sợi dây lụa đào, thắt 21 gút rồi cột trên eo, trên hai cổ tay, tức hộ Thân ấy.

Nếu bị đau răng, Trì Chân Ngôn vào cây **Ca La Nhĩ La** rồi cầm nhấm nhai, xia răng.

Nếu bị bệnh Quỷ, gia trì vào sợi dây ngũ sắc rồi cho đeo, tức liền trừ khỏi

Nếu bị thuốc độc, dao gậy gây ung nhọt, bệnh yết hầu, bệnh thũng, bệnh đầu đinh, mụn nhọt ác... trì Chân Ngôn vào **Tất Bát Mạt**, sữa bò, Thạch Mạt rồi khiến uống, xoa bôi liền được trừ khỏi.

Nếu bị **Khẩu Thiệt** (cãi vãi, đầu khẩu) muốn dấy lên hoặc đã dấy lên. Vào mỗi buổi sáng sớm, hướng về mặt trời trì Chân Ngôn vào nước sạch rồi rửa mặt, súc miệng tức khiến trừ tan.

Nếu đất nước bị hoang loạn, Đại Thần mưu phản, binh nước khác xâm hủy, tai dịch dấy lên... Trước tiên, tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo sạch mới, ăn ba thức ăn màu trắng, ở 21 ngày nghiêm trì Đạo Trường, ở chính giữa với bốn góc để vật khí bằng sành chứa nước thơm. Ở trong số ngày kỳ hạn ấy, trong ngoài thanh tịnh, như Pháp cúng dường, rải hương đốt hoa ở phía Tây của Đàn và phía Bắc của Đàn. Y theo Pháp

ngồi tụng Đà La Ni Chân Ngôn này, tiếng tiếng chẳng dứt, làm Pháp **Trừ Tai**, đủ 21 ngày tức khiến cho đất nước, tất cả người dân được đại an ổn.

Mỗi ngày gia trì vào vật khí bằng sành chứa nước trong Đàn, rồi vảy tán tầng lớp bên trên thành **Trì Hộ** thì tai ách, tội chướng tự nhiên diệt hết.

Nếu bị Quỷ Thần gây tai vạ làm mất âm giọng. Gia trì vào bèn hương Bạch Chiên Đàn, xoa bôi trên trái tim, tức trở lại như cũ.

Nếu người không có tái bảo, tức ăn uống, hương hoa thường cúng dường, mà chỉ thường tụng trì không có gián đoạn bỏ phế thì cũng diệt trừ được tất cả tội chướng.

Nếu khiến cho nhà cửa được **Thiện Thần** hộ trì không cá tai vạ, bệnh tật. Mỗi ngày nên lấy 108 cọng hoa sen... xoa bôi bơ, mật đều khắp, rải bột hương Bạch Chiên Đàn, gia trì Hộ Ma. Mỗi ngày ba thời, thời riêng 108 cái. Đủ 7 ngày xong tức thành ủng hộ, trừ các tai ách.

Nếu muốn mọi người vui vẻ. Gia trì vào bơ, mật, Bạch Chiên Đàn Hương... Hộ Ma 108 biến, tức như nguyện đã mong cầu”.

Rồi nói **Tụng** là:

“Thuốc **Mẫu Đà La Ni Già Tha**

Hay trừ mọi loại tai ương khổ

Đẳng Số (đẳng cấp và số lượng) nên dùng **Nhĩ Nhạ Gia** (Vijaya)

Thuốc **Na Câu Lợi** (Nākūlī), **Chá Lý Ni**

Kiên Đa Na Câu Lợi (Ghanda-nākūlī), **Ế La**

A Bà Bá Nê (Abhayapāṇi), **Cung Củ Ma**

Án Nại La Bá (Indriya-pāṇi) **Tất Lý Ca**

Thuốc **Kiên Đà** (Ghanda) **Tất Lợi Nhưong Ngu** (Priyamgu)

Thuốc **Đa Nga La Chước Ca La** (Tagara-cakrā)

Ma Ha Chước Yết (Mahā-cakrā), **Ô Thí La**

Thuốc **Bật Sắt Nỗ Yết La Đá** (Viṣṇu-krānta)

Tổ Ma La Nhĩ (Somarajī) **Tổ Nan Na** (Sūnandā)

Tinh khiết hòa với nước trời mưa

Làm viên lớn như hạt táo chua

Đầu ngọn **Tiêu Giới** (Ranh giới quy định) mà hộ trì

Đầu ngọn Chân Ngôn gia trì khắp

Một ngàn tám biến (1008) liền phơi khô

Khi đeo thời gia trì bảy biến

Tùy **Thượng Trung Hạ** cho đeo mang

Bạc Thượng thi đội trên đánh đầu

Bạc Trung thường đeo giữ trên cổ

Bạc Hạ đeo giữ trên cánh tay

Đều trừ diệt được các tai ách

Tai ách của nước, lửa, thuốc độc

Mọi loại Yểm Cổ, các Chú Trớ

Tất cả đều chẳng thể gây hại

Chẳng bị các Quỷ Thần ác làm hại

Hòa nước nóng thơm tắm, sạch các chướng”

Nếu có gióa ác, sấm chớp, sét đánh luôn mãi dấy lên. Gia trì vào hạt cải trắng, nước rồi trông về nơi dấy lên ấy, một lần Chú thì một lần tán rải, 108 lần tức liền trừ

diệt. Hoặc gia trì vào cảnh Thạch Lựu rồi trông về nơi đã dấy lên, một lần Chú thì một lần nghĩ đến, cũng trừ diệt được.

Thế Tôn! Pháp tối thượng của Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn này, chỉ thường tụng trì, chẳng làm Đàn Ân, y theo Pháp cúng dường cũng được thành tựu.

Nếu người muốn thành tựu **Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này. Như Pháp tô vẽ **Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát** (Amogha-pāśa-avalokiteśvara-bodhisatva) như Đại Tự Tại Thiên, đầu đội mào báu, trong mào có Đức **Hóa A Di Đà Phật**, mặc áo da hươu, quần áo bảy báu, chuỗi ngọc, Anh Lạc, vòng, xuyên, mọi loại trang nghiêm, cầm nắm khí tượng.

Dùng đất màu vàng sạch, cò ma di (phân bò), bùn thơm như Pháp xoa tô Đàn. Dùng màu vẽ thanh khiết, bên trong để tượng ấy với pan, hoa trang sức. Bốn góc với trung ương để cái bình nước thơm, thức ăn uống màu trắng.... bày các quả trái, thức ăn uống phụng hiến cúng dường. Chỉ trừ tất cả thức ăn dư thừa đã tiếp chạm ô uế, thức ăn uống có trăm mùi vị của nhà có luật nghi ác, **Ngũ Tân** (hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ), rượu thịt... đều chẳng cúng dường. Ngoài ra thông hết Thịnh Triệu cúng dường

Người tu Chân Ngôn đó, ngày đêm tinh cần như Pháp thừa sự, thường tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo sạch. Mỗi thời hướng mặt về phương Đông đốt hương rải hoa, y theo Pháp ngồi, quán nhìn Bồ Tát, như Pháp tụng trì **thời số** chẳng thiếu

Mỗi ngày 8 của kỳ Bạch Nguyệt, cần phải nhịn ăn, siêng năng khẩn thiết niệm tụng, thời Quán Thế Âm hiện thân trong Đàn. Người tu Chân Ngôn nhìn thấy, chiêm ngưỡng lễ bái, đều được mãn túc nguyện đã mong cầu. Kèm theo dùng **Hùng Hoàng** hoặc **đề An Thiện Na** trong Đàn, dùng Chân Ngôn gia trì khiến hiện ba tướng: một là tướng âm áp, hai là tướng khói, ba là tướng ánh sáng. Chấm trên trán, chấm vào con mắt, chấm vào hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân... tức chứng **A Mổ Già Vương Thân Thông Trí Nghiêm Tam Ma Địa**. Sự nghiệp của **các cõi** (chư hữu) không có gì chẳng hoàn thành được”.

Bấy giờ, Đức Như Lai khen Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông hay ở trong Đại Chúng Trời Người đó, thấp ngọn đức Pháp lớn, làm mọi nhóm vật báu, kéo các hữu tình ra khỏi mọi biển khổ, đều được cội gốc ấy”

Khi ấy, Tịnh Cư Thiên Vương, Y Thủ La Thiên Vương, Ma Ê Thủ La Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương với các Thiên Chúng nghe nói Pháp đó, đều rất vui vẻ, chấp tay cung kính, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước mặt Đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Thời **mạt thế** sau này, tùy ở tại cõi nước, tất cả núi, rừng, thành ấp, thôn xóm... nếu có hữu tình như Pháp viết chép, đọc tụng, thọ trì **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này thì Thiên Vương chúng con với các quyến thuộc, ngày đêm tập hội thường ủng hộ”.

Lúc đó, Đức Như Lai bảo các Thiên Vương: “Lành thay! Lành thay! Người đọc tụng, thọ trì Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia này cần nên thủ hộ, đừng có bỏ rơi, liền khiến cho tu học tăng thêm, nuôi lớn tất cả Bồ Đề, Phước Uẩn, căn lành, khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)”

Bấy giờ, chư Thiên nghe Đức Phật răn bảo khen ngợi đều vui mừng hớn hở, cung kính đốt trên đỉnh đầu

KINH BÁT KHÔNG QUYỂN SÁCH THẦN BIẾN CHÂN NGÔN
QUYỂN THƯỢNG (Hết)